TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST.
Ngày: 28.10.2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông P. L. L.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Đ. H. L;

Bà: H. T. T. M;

- Thư ký phiên tòa: Bà N. T. T là Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên toà*:** Ông L. Đ. A – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Đ. T. C, tên gọi khác: không; giới tính: Nữ; Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1994 tại tỉnh B; Nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; Con ông: Đ. T. H, SN: 1960 và bà: L. T. A, SN: 1959; Chồng: N. T. V, SN: 1990; Con: có 01 người, SN: 2020; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/7/2022 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

- Anh N. T. V, Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B.(Có mặt)

- Anh H. V. K, Sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, tỉnh B.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đây, Đ. T. C làm nghề môi giới, mua bán bất động sản nên khoảng tháng 4 năm 2022 đã giới thiệu cho L. T. L ở khu D, TT.N, A nhận chuyển nhượng 01 thửa đất số 424, tờ bản đồ số 12 tại xã C, A, B từ ông L. V. K ở thôn M, V, O, B. Quá trình ông K và ông L làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất tại văn phòng công chứng T. T. H đều có C tham gia nên C biết rõ thông tin thửa đất. Sau khi làm thủ tục sang tên thửa đất cho L xong, C bảo L chụp ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất nói trên cho C để C giúp L tìm người nhận chuyển nhượng thửa đất này với giá cao hơn để hưởng hoa hồng; L đồng ý nên đã chụp ảnh gửi cho C. Sau đó, L chuyển nhượng thửa đất này cho bà N. T. T. T ở K, Q, A, B nhưng không cho C biết thửa đất này đã được chuyển nhượng cho người khác.

Quá trình làm ăn, C đã vay mượn tiền của nhiều người nên bị chủ nợ hối thúc trả tiền nhưng C không có tiền trả nên C nảy sinh ý định đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là sổ đỏ) để cầm cố, thế chấp cho người khác lấy tiền trả nợ; C lên mạng xã hội liên hệ với zalo "T. D" (không rõ họ tên, địa chỉ) đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và gửi hình ảnh sổ đỏ thửa đất 424, tờ bản đồ 12, địa chỉ xã C, huyện A, tỉnh B, qua zalo "T. D" với yêu cầu làm giả sổ đỏ giống như hình ảnh C gửi, chỉ thay đổi nội dung: "Chuyển nhượng cho ông L. T. L, CCCD số 052201005491, địa chỉ thường trú tại TT.N, huyện A, tỉnh B, theo sổ hồ sơ số 1318701.CN001" thành "Chuyển nhượng cho bà Đ. T. C, CMND số 215322271, địa chỉ thường trú tại C, huyện A, tỉnh B, theo sổ hồ sơ số 1318701.CN001", với giá thỏa thuận là 5.000.000 đồng; sổ đỏ giả được gửi qua Viettel Post dưới thông tin hàng hóa là sim điện thoại. Sau đó, C đã nhận được sổ đỏ đúng như thỏa thuận và chuyển khoản cho nhân viên Viettel Post, số tiền 4.000.000 đồng (nợ lại 1.000.000 đồng).

Sau khi có sổ đỏ giả, C sử dụng điện thoại chụp hình ảnh sổ đỏ này lại rồi sử dụng tài khoản facebook tên "Daisy DT" của C, đăng hình ảnh sổ đỏ giả lên trang facebook "Nhà đất A", để rao bán thửa đất trên. Đồng thời C liên hệ nhắn tin với

01 số người quen làm ở Quỹ tín dụng và Ngân hàng để hỏi giá trị được thẩm định của thửa đất thì được trả lời định giá thế chấp thửa đất trên khoảng từ 410.000.000 đồng đến 430.000.000 đồng, nên C sử dụng nội dung tin nhắn trả lời này để thỏa thuận giá thế chấp sổ đỏ. Sau đó, C liên hệ và nhắn tin qua Messenger cho anh H. V. K ở P, T, A – người làm dịch vụ cầm đồ, đề nghị thế chấp sổ đỏ để vay 350.000.000 đồng và để tạo lòng tin, C chụp ảnh sổ đỏ giả và quay phim thửa đất trên gửi qua Messenger cho anh K xem trước; anh K tưởng thật nên thỏa thuận đồng ý cho C thế chấp sổ đỏ để vay số tiền 320.000.000 đồng, trả gốc và lãi trong thời hạn 01 năm, với điều kiện C đến Văn phòng công chứng T. T. H làm hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng thửa đất trên cho K, khi nào hợp đồng soạn thảo xong thì C gọi điện cho K đến để K và C ký tên vào hợp đồng ủy quyền, K giao đủ số tiền 320.000.000 đồng cho C, còn C giao sổ đỏ nói trên cho K giữ. Hai bên thống nhất điều kiện này nên C liên hệ với chị L. H. T. T – nhân viên văn phòng công chứng T. T. H, nhờ soạn thảo hợp đồng trước và gửi nội dung hợp đồng qua zalo cho C xem trước.

Sáng ngày 01/6/2022, Đ. T. C bảo chồng là N. T. V đi cùng đến Văn phòng công chứng T. T. H để làm hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng đất trên cho H. V. K. Trong quá trình soạn thảo, kiểm tra sổ đỏ, chị T thấy sổ đỏ dày hơn và nghi ngờ là giả nên kiểm tra trên hệ thống thì phát hiện thửa đất này đã làm hợp đồng chuyển nhượng 02 lần, hiện thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của bà N. T. T. T chứ không phải là Đ. T. C. Sau đó, chị T báo cáo với quản lý Văn phòng công chứng rồi tiến hành trao đổi với Văn phòng đất đai tỉnh B – chi nhánh huyện A, thì xác định người đứng tên trong sổ đỏ đối với thửa đất trên không phải là Đ. T. C nên đã báo cho Công an huyện A đến làm việc, lập biên bản, C thừa nhận sổ đỏ mà C mang đi giao dịch là sổ đỏ giả. Do đó, hợp đồng ủy quyền chưa được các bên ký kết và K cũng chưa giao tiền cho C.

Theo Kết luận giám định số 226/KL-KTHS ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CT 680249, ghi họ tên L. V. K, sinh năm 1961, số CMND 210622625, địa chỉ thường trú: thôn R, xã V, huyện O, tỉnh B gửi giám định là: Giả.

Vật chứng, tạm giữ: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, số CT 680249, ghi họ tên L. V. K, sinh năm 1961, số CMND 210622625, địa chỉ thường trú: thôn R, xã V, huyện O, tỉnh B lưu hồ sơ vụ án. 01 điện thoại di động Iphone 6Plus số Imei 353325070358332,

số seri sim 8401200233451556 của Đ. T. C đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKSPC, ngày 03.10.2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Đ. T. C về tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 BLHS.

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ. T. C về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của BLHS để xử phạt bị cáo Đ. T. C với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, xem xét miễn khấu trừ thu nhập. Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo Đ. T. C đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX

có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận: Vì bị chủ nợ hối thúc trả tiền trong quá trình làm ăn nên C nảy sinh ý định đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là sổ đỏ) để cầm cố, thế chấp cho người khác lấy tiền trả nợ. Đ. T. C đã dùng thủ đoạn gian dối và trực tiếp sử dụng giấy tờ giả đặt mua trên mạng xã hội gồm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của thửa đất 424, tờ bản đồ 12, địa chỉ xã C, huyện A, tỉnh B, có nội dung: "Chuyển nhượng cho bà Đ. T. C, CMND số 215322271, địa chỉ thường trú tại C, huyện A, tỉnh B, theo sổ hồ sơ số 1318701.CN001".

Sau khi có sổ đỏ giả, C liên hệ và nhắn tin qua Messenger cho anh H. V. K thỏa thuận thế chấp sổ đỏ để vay số tiền 320.000.000 đồng, trả gốc và lãi trong thời hạn 01 năm với điều kiện làm hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng thửa đất trên cho K. Sáng ngày 01/6/2022, tại Văn phòng công chứng T. T. H, khi soạn thảo, kiểm tra sổ đỏ, nhân viên của Văn phòng công chứng đã phát hiện người đứng tên trong sổ đỏ đối với thửa đất trên không phải là Đ. T. C nên đã báo cho Công an huyện A đến làm việc, lập biên bản và được phòng KTHS kết luận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Đ. T. C dùng để hợp đồng ủy quyền quyền sử dụng thửa đất trên cho K là giả.

Hành vi của Đ. T. C là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý hành chính, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương do đó cần phải xử lý nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với chính bị cáo và phòng ngừa chung cho người khác.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo Đ. T. C về tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Đ. T. C phạm tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy đinh tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo Đ. T. C phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối

cải; là tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời xét bị cáo không có tiền án, tiền sự, hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được xem là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; do vậy HĐXX xem xét tạo điều kiện cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà thức tỉnh cố gắng hoàn thiện mình để sửa chữa sai lầm. Sau khi xem xét quan hệ nhân thân của bị cáo HĐXX nhận thấy: bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, HĐXX quyết định áp dụng Điều 36 BLHS để xét xử bị cáo, tạo điều kiện để bị cáo tự tu dưỡng, rèn luyện.

Xét thấy bị cáo công việc thu nhập không ổn định, phải nuôi con còn nhỏ nên HĐXX xem xét miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

Trong vụ án còn có N. T. V, là chồng của bị cáo đã cùng với C đến Văn phòng công chứng T. T. H để làm thủ tục ủy quyền quyền sử dụng đất cho người khác nhưng V không biết C sử dụng sổ đỏ giả để làm hợp đồng nên Cơ quan CSĐT Công an huyện A không xem xét trách nhiệm đối với V là có cơ sở.

Đối với hành vi sử dụng sổ đỏ giả để vay tiền của H. V. K nhưng bị phát hiện, chưa nhận tiền, chưa ký hợp đồng thế chấp nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm là đúng quy định pháp luật.

[4] Về vật chứng vụ án: đã thu giữ 01 điện thoại di động iphone 6 Plus màu đen của Đ. T. C (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A có liên quan đến vụ án; tuy nhiên, các dữ liệu trong điện thoại đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trích xuất ra đưa vào hồ sơ vụ án để phục vụ tốt cho công tác điều tra, do đó nên xem xét trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135, Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đ. T. C phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Đ. T. C phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt: bị cáo Đ. T. C *18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ*. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đ. T. C cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Đ. T. C 01 điện thoại di động iphone 6 Plus (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A.

3.Về án phí: Buộc Đ. T. C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Cơ quan THAHS Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

P. L. L